



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 15/04/2026 (Wednesday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
3.1	23:30	02:30	↙
1.2	06:06	09:45	↗
3.4	12:32	16:00	↙
1.6	18:44	22:30	↗
3.3	00:27	03:30	↙

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Duyệt - N.Hiến	MAERSK VILNIUS	9.3	180	20,927	P/s3 - CL4	04:30	//0730	A2-A5
2	Hà	KMTC JARKATA	8.2	172	16,659	P/s3 - CL4-5	06:00	//0800	A1-A3
3	Đặng	HMM MIRACLE	9.5	172	18,812	P/s3 - BNPH	06:30	//0900	A6-TM
4	H.Trường	QINGDAO VOYAGER	9.7	186	29,764	P/s3 - CL5	10:30	//	A1-A6
5	Thịnh	CA GUANGZHOU	9.7	167	17,871	P/s3 - BP5	11:00	Tăng cường dây	A3-A6
6	Q.Hung	NICOLINE MAERSK	10.9	199	27,733	P/s3 - BP7	11:30	Thả neo, tăng cường dây	A1-A5
7	Chính	XIN HAI XIU	6.7	132	6,680	H25 - TCHP	11:00	Y/c MP, SR	01-12
8	Đ.Toàn	WAN HAI 285	10.5	175	20,924	P/s3 - CL7	12:30	//1530	A1-A5
9	Vinh	POS LAEMCHABANG	9.9	172	17,846	P/s3 - BNPH	13:00	//1600	A2-A6
10	H.Thanh	KKD 5	3	57	398	P/s1 - CL2	17:00	//	08
11	K.Toàn - Kiên	KOTA NAZIM	8.9	180	20,920	P/s3 - CL4	18:30		A1-A5
12	Đ.Minh	KMTC TOKYO	7.2	173	17,853	H25 - TCHP	22:30	//SR	01-12
13	Giang	ERAMUS EFFORT	8.5	142	9,562	P/s3 - CL7	23:30	//0130	
14	P.Cân	SITC XINGDE	9.6	172	18,820	P/s3 - CL1	06:30	//0300	
15	N.Trường	SON TRA 126	6.6	100	4,332	G11 - CanGio	10:00	ĐX	
16	P.Thùy - V.Đũng	TPC-TK08; TPC-SL-18	6	190	6,257	H25 - CanGio	12:00	ĐX	
17	P.Hung	STARSHIP JUPITER	10.9	197	27,997	P/s3 - BP7	23:30	Thả neo, tăng cường dây, DL	
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Quyết	IRENES RALLY	9.2	186	30,221	P/s3 - CM2	00:00	Y/c MP-VTX	KS-AWA
2	M.Tùng - N.Minh	ZIM ARIES	11.9	273	74,763	P/s3 - CM4	04:00	Y/c MP	A9-A10

3	A.Tuấn	IRENES RALLY	10.8	186	30,221	CM2 - P/s3	13:00	MP-VTX	KS-AWA
4	Đức - N.Cường	CONTI CONQUEST	12.5	334	90,449	CM3 - P/s3	21:00	MT-VTX	MR-KS
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đ.Chiến - Diệu	JIN JI YUAN	8	190	25,700	CL4-5 - H25	07:30		A3-A6
2	Uy	SITC WENDE	9.3	172	18,724	CL7 - P/s3	07:30		A1-TM
3	Hồng	SAWASDEE BALTIC	9.6	172	18,051	CL4 - P/s3	07:30		A2-A5
4	N.Thanh	SAN PEDRO	9.1	172	16,880	CL1 - P/s3	09:00		A1-A3
5	Tân	HAIAN IRIS	6.5	147	9,963	CL5 - H25	09:00	SR	A6-08
6	N.Dũng	MIYUNHE	9.7	183	16,738	BNPH - P/s3	09:30		A6-TM
7	Khái	MAERSK VICTORIA	9.5	176	18,257	CL3 - P/s3	09:30		A2-A5
8	M.Hải - M.Cường	TPC-TK-05; TPC-SL-15	2.9	190	6,257	CanGio - H25	13:30	SR	
9	V.Hải	SITC XINGDE	9.3	172	18,820	CL1 - P/s3	20:30		A2-08
10	Th.Hùng - Quyên	JOSCO SHINE	8.1	172	18,885	CL7 - P/s3	15:30		A2-08
11	Duyệt - N.Hiến	HMM MIRACLE	8.9	172	18,812	BNPH - P/s3	16:30		A2-08
12	V.Hoàng	MAERSK VILNIUS	9.8	180	20,927	CL4 - P/s3	21:00	Cano DL	A2-A5
13	Đào	KMTC JARKATA	9.2	172	16,659	CL4-5 - P/s3	20:00		A3-A6
14	Anh	MILD CHORUS	9	148	9,994	TCHP - H25	20:30	SR	01-12
15	M.Hùng	KKD 5	3	57	398	CL2 - H25	23:00	SR	08
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đ.Long	JOSCO SHINE	9.7	172	18,885	BP5 - CL7	08:00		A1-A3
2	Chương	KOTA NAZAR	10.6	180	20,902	BP7 - CL3	09:30		A2-A5
3	T.Tùng	CA GUANGZHOU	9.7	167	17,871	BP5 - CL1	21:00		A3-A6
4	Đ.Long	NICOLINE MAERSK	10.9	199	27,733	BP7 - CL4-5	20:30	ĐX	